

Các thì quá khứ



THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN

I/ Cấu trúc

Thì quá khứ đơn có cấu trúc:

(+) **S + V-ed/ V- cột 2**

e.g. I lived in London two years ago. (Cách đây 2 năm tôi sống ở Luân Đôn.)

She bought a new book yesterday. (Hôm qua cô ấy đã mua một quyển sách mới.)

(-) **S + did not (didn't) + V(nguyên thể)**

e.g. I didn't live in London two years ago. (Tôi không sống ở Luân Đôn cách đây 2 năm.)

She didn't buy a new book yesterday. (Hôm qua cô ấy không mua một quyển sách mới.)

(?) **Did + S + V(nguyên thể)?**

e.g. Did you live in London two years ago? (Cách đây 2 năm bạn sống ở Luân Đôn à?)

Where did she buy a new book yesterday? (Hôm qua cô ấy đã mua một quyển sách mới ở đâu?)

Cách chia động từ ở thì quá khứ đơn.

Đối với động từ bất quy tắc ở thì quá khứ đơn, chúng ta cần học thuộc lòng những động từ ở cột 2 trong bảng động từ bất quy tắc. Đối với động từ theo quy tắc, chúng ta cần nhớ những quy tắc thêm -ed sau:

- Nếu động từ tận cùng là -e, chúng ta chỉ thêm -d.

e.g. love → loved, like → liked, live → lived

- Nếu động từ tận cùng là hình thức phụ âm + -y, thì chuyển -y thành -i rồi thêm -ed, nếu là nguyên âm + -y thì giữ nguyên rồi thêm -ed

e.g. worry → worried, cry → cried, play → played, stay → stayed

- Nếu động từ 1 âm tiết có hình thức 1 nguyên âm nằm giữa hai phụ âm (ngoại trừ âm cuối là w), ta gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm -ed.

e.g. stop → stopped

- Nếu động từ 2 âm tiết, âm tiết sau được nhấn trọng âm và cũng có dạng 1 nguyên âm nằm giữa 2 phụ âm thì gấp đôi phụ âm cuối

trước khi thêm -ed.

e.g. admit → admitted, prefer → preferred

- Trong tiếng Anh - Anh (không phải Anh - Mỹ) phụ âm -l cuối cùng được nhân đôi.

e.g. travel → travelled

Đối với những động từ theo quy tắc không thuộc những quy tắc trên chúng ta vẫn thêm -ed như bình thường.

II - Cách dùng

Thì quá khứ đơn dùng để:

- Nói về một trạng thái, một hành động ở một thời điểm xác định trong quá khứ

e.g. He was ill yesterday. (Hôm qua anh ấy bị ốm.)

- Liệt kê các hành động trong quá khứ

e.g. But the Nightingale understood the secret of the Student's sorrow, and she sat silently in the oak-tree, and thought about the mystery of Love. (Nhưng chim sơn ca thấu hiểu bí mật của nỗi lòng chàng thư sinh, nó ngồi lặng lẽ trong tán cây sồi, suy nghĩ về bí mật của tình yêu.)

III - Các trạng từ/ ngữ thường dùng

Thì quá khứ đơn thường dùng với các trạng từ chỉ thời gian sau:

- yesterday/ yesterday morning ...
- last night/ week/ month/ decade...
- two weeks/ months/ years/ ... ago = cách đây ... hai tuần/tháng/năm
- in a year/ a month/ 1999 ...

IV - Cách đọc đuôi "ed"

Động từ có quy tắc khi được thêm -ed có những cách phát âm là /ɪd/, /t/, /d/

- -ed được phát âm là /t/ sau các động từ tận cùng là các âm /p, f, ʃ, s, k, tʃ/

e.g. stop → stopped , laugh → laughed ,
miss → missed , talk → talked , watch →
watched , wash → washed

- -ed được phát âm là /ɪd/ sau các động từ tận cùng là 2 âm /t, d/

e.g. wait → waited , add → added

- -ed được phát âm là /d/ sau các động từ tận cùng là các âm phụ âm còn lại như /b, v, l, m, n.../ và sau các âm nguyên âm.

e.g. rub → rubbed , live → lived , use →
used , play → played

THÌ QUÁ KHỨ TIẾP DIỄN

I - Cấu trúc

Thì quá khứ tiếp diễn có cấu trúc như sau:

(+) **S + was/ were + V-ing**

e.g. I was cooking while my brother was watching TV. (Tôi nấu ăn trong khi anh trai tôi xem ti vi.)

(-) **S + was/ were + not (wasn't/ weren't) + V-ing**

e.g. He wasn't studying English at 3 o'clock yesterday afternoon. (Lúc 3 giờ chiều hôm qua cậu ấy không học tiếng Anh.)

(?) **Was/ were + S + V-ing?**

e.g. What were you doing when I phoned? (Khi tớ gọi thì cậu đang làm gì?)

Was she studying English at 3 o'clock? (Lúc 3 giờ cô ấy đang học tiếng Anh à?)

*Cách thêm đuôi -ing sau động từ, bạn có thể tham khảo ở bài về thì hiện tại tiếp diễn.

II - Cách dùng

Thì quá khứ tiếp diễn dùng để:

- **Diễn tả hành động đang xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ.**

e.g. He was playing football with his friends at

3 pm yesterday. (Lúc 3 giờ chiều ngày hôm qua cậu ấy đang chơi bóng đá với bạn của cậu ấy.)

- Thêm *always* để phàn nàn về một thói quen xấu trong quá khứ

e.g. My neighbor was always playing music loud at midnight. (Người hàng xóm của tôi luôn chơi nhạc to giữa đêm.)

- Nhấn mạnh một hành động kéo dài trong một khoảng thời gian trong quá khứ.

e.g. It was raining every day last week. (Tuần trước ngày nào cũng mưa.)

- Diễn tả một hành động đang xảy ra thì một hành động khác xen vào. Hành động xen vào chia ở QKĐ, hành động đang xảy ra chia ở QKTD.

e.g. When I came home, my father was reading the newspaper. (Khi tôi về nhà, bố tôi đang đọc báo.)

- Diễn tả hai hành động đang đồng thời cùng xảy ra.

e.g. While I was reading books, my sister was listening to music. (Trong khi tôi đọc sách thì em gái tôi nghe nhạc.)

III - Sự khác biệt giữa thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn

Khác biệt 1

- Thì quá khứ đơn hiện hành động trọn vẹn trong quá khứ.

e.g. My father fixed his motorbike yesterday. (Hôm qua bố tôi đã sửa xe máy của ông.)

- Thì quá khứ tiếp diễn không nói rõ hành động có trọn vẹn hay không.

e.g. My father was fixing his motorbike when I got home. (Bố tôi đang sửa xe máy của ông khi tôi trở về nhà.)

Khác biệt 2

- Thì quá khứ đơn dùng để nói về hành động bắt đầu khi nào.

e.g. We had dinner at 6 pm. (Chúng tôi ăn tối lúc 6 giờ. → tức là 6 giờ chúng tôi bắt đầu ăn tối)

- Thì quá khứ tiếp diễn nói hành động đang xảy ra khi nào (hành động bắt đầu trước thời điểm nói)

e.g. We were having dinner at 6 pm. (Chúng tôi đang ăn tối lúc 6 giờ. → có nghĩa: Chúng tôi bắt đầu ăn tối trước 6 giờ .)

- Có thể kết hợp 2 thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn để nói ai đang làm việc gì (QKTD) thì sự việc khác đột ngột cắt ngang (QKD).

e.g. When I came home, my wife was cooking dinner.

→ Hành động "về" cắt ngang hành động "nấu cơm tối"

Câu này có thể dịch là : "Khi tôi về đến nhà, chồng tôi đang nấu cơm tối."

- Hãy so sánh ví dụ trên với ví dụ sau đây:

e.g. When I came home, my wife cooked dinner.

→ Trong câu này cả 2 hành động đều được chia ở QKĐ. Như ta đã biết thì QKĐ được dùng để liệt kê các sự việc trong quá khứ.

Như vậy chúng ta có thể ngầm hiểu là hành động "về" xảy ra trước hành động "nấu cơm tối".

Câu trên có thể dịch như sau: "Sau khi tôi về nhà thì chồng tôi nấu cơm tối."

THÌ QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH

I - Cấu trúc

Cấu trúc của thì quá khứ hoàn thành như sau:

(+) **S + had + PP**

e.g. They had finished before I arrived. (Họ đã xong trước khi tôi đến.)

(-) **S + had + not (hadn't) + PP**

e.g. They hadn't finished before I arrived. (Họ không hoàn thành xong trước khi tôi đến.)

(?) **Had + S + PP?**

e.g. Had they finished before I arrived? (Họ có hoàn thành xong trước khi tôi đến không?)

Notes: PP = phân từ quá khứ

Đối với động từ theo quy tắc ta thêm -ed vào sau động từ (quy tắc đã nêu ở thì QKĐ)

Đối với động từ bất quy tắc, sử dụng dạng phân từ quá khứ ở cột thứ 3 của bảng động từ bất quy tắc.

II - Cách dùng

Thì quá khứ hoàn thành dùng để:

- **Diễn tả một sự kiện đã xảy ra trước một thời điểm xác định trong quá khứ.**

e.g. I had finished my homework by 8:00 last night. (Tôi đã hoàn thành bài tập về nhà trước 8 giờ tối qua.)

- **Diễn tả một sự kiện đã xảy ra trước một sự**

kiện khác trong quá khứ.

e.g. I had finished my homework before I went to bed. (Tôi đã làm xong bài về nhà trước khi đi ngủ.)

- Diễn tả điều kiện không có thực trong câu điều kiện loại 3.

e.g. She would have come to the party if she had been invited. (Cô ấy đã đến dự bữa tiệc nếu như cô ấy được mời.)

- Dùng với *wish* để diễn tả ước muốn trong quá khứ.

e.g. I wish you had told me the truth. (Tôi ước bạn đã nói cho tôi sự thật.)

Các trạng từ thường đi kèm như *already, just, after, before, when*.

III - Sự khác biệt giữa thì quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành

Các em hãy so sánh các ví dụ dưới đây:

A: Was Tom at the party when you arrived?

B: No, he had already gone.

(- Lúc bạn đến Tom có mặt ở bữa tiệc không?

- Không, lúc tới đến anh ấy đã đi rồi.)

→ có nghĩa là lúc B đến Tom không còn ở đó nữa.

A: Was Tom at the party when you arrived?

B: Yes, but he went home soon afterward.

(- Lúc bạn đến Tom có mặt ở bữa tiệc không?

- Có, nhưng ngay sau đó thì anh ấy về nhà luôn.)

→ có nghĩa lúc B đến Tom vẫn còn ở bữa tiệc nhưng anh ta về nhà ngay sau đó.

Như vậy thì QKHT được dùng khi muốn nhấn mạnh một hành động xảy ra trước một hành động khác hay một thời điểm trong quá khứ, còn thì QKĐ chỉ là nêu lên một hành động xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

THÌ QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH TIẾP DIỄN

I - Cấu trúc

Cấu trúc của thì QKHTTD như sau:

(+) S + had + been + V-ing

e.g. I had been working for two hours when she telephoned. (Khi cô ấy gọi điện tới thì tôi đã làm việc được 2 tiếng.)

(-) S + had + not + been + V-ing

e.g. I hadn't been paying attention for long when he asked the question. (Khi anh ấy hỏi tôi câu hỏi đó tôi đã không để ý được một lúc

rồi.)

(?) **Had + S + been + V-ing?**

e.g. How long had you been working before I arrived? (Anh đã làm việc được bao lâu trước khi tôi đến?)

Dạng viết tắt:

had been = 'd been

had not been = hadn't been

II - Cách dùng

Thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn dùng để:

- diễn tả một hành động đã diễn ra trong một khoảng thời gian tính đến thời điểm hành động khác xảy ra trong quá khứ.

e.g. I had been studying for three hours before you arrived. (Tớ đã ngồi học được 3 tiếng trước khi cậu đến.)

→ Hành động "study" đã diễn ra trong khoảng thời gian 3 giờ trước khi bạn đến.

Ken had been smoking for 30 years when he finally gave it up. (Tính đến thời điểm Ken từ bỏ thuốc lá thì ông ấy đã hút thuốc được 30 năm.)

- diễn tả một hành động xảy ra để chuẩn bị cho một hành động khác.

e.g. I had been practising for three days and

was ready for the concert. (Tôi đã luyện tập trong 3 ngày liền và đã sẵn sàng cho buổi hòa nhạc.)

III - Trạng từ thường dùng

Những trạng từ chỉ thời gian thường dùng ở thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn là: by the time, when, after, before, since, for, all day, the whole day

e.g. I had been very tired when I came back home. I had been working hard all day. (Tôi đã rất mệt khi tôi trở về nhà. Tôi đã làm việc vất vả cả ngày.)

IV - Sự khác biệt giữa quá khứ hoàn thành và quá khứ hoàn thành tiếp diễn

Thì QKHT và QKHTTD đều được dùng để mô tả những sự việc đã xảy ra trước một thời điểm khác trong quá khứ. Tuy nhiên có sự khác biệt:

- Thì QKHT dùng để diễn tả một sự kiện đã xảy ra được mấy lần trước khi một hành động khác xảy ra.

e.g. I had interviewed four times before I got the job. (Tôi đã đi phỏng vấn 4 lần trước khi nhận công việc đó.)

(→ Vào thời điểm nhận việc thì anh ấy đã qua 4 lần phỏng vấn)

- Thì QKHTTD dùng để diễn tả trong bao lâu một sự việc gì đó đã diễn ra trước khi một sự việc quan trọng khác xảy ra trong quá khứ.

e.g. That boy had been studying for 2 hours before his mother came home. (Cậu bé đó đã học được 2 tiếng trước khi mẹ cậu về nhà.)

(→ Việc học của cậu bé ấy đã diễn ra được 2 giờ thì mẹ cậu ấy mới về.)

V - Sự khác biệt giữa thì quá khứ tiếp diễn và thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn.

- Thì QKTD diễn tả một hành động diễn ra trong một khoảng thời gian trong quá khứ, đang xảy ra thì bị ngắt quãng bởi một hành động khác.

e.g. She was having a bath when the phone rang. (Cô ấy đang tắm thì điện thoại đổ chuông.)

- Thì QKHTTD diễn tả một việc gì đó diễn ra trong bao lâu trước khi một điều quan trọng gì đó xảy ra.

e.g. You had been waiting for more than two hours when she finally arrived. (Bạn đã đợi

được hơn hai tiếng thì cuối cùng cô ấy cũng đến.)